

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-01-2025.  
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Chí

Ông Trịnh Xuân Tùng

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mộng N, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: 9 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 9 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Chị N và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng chị Phan Thị Mộng N trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống vợ chồng có được 02 con chung là Phạm Thị Ngọc C, sinh ngày 29/12/2008 và Phạm Thành L1, sinh ngày 25/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị đồng ý để 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Theo bản khai và trong quá trình tố tụng anh Phạm Văn L trình bày:*

Anh đồng ý về điều kiện, địa điểm kết hôn và con chung như chị N trình bày.

Do vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm nên nay chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Về hôn nhân chị N được ly hôn với anh L, về 02 con chung sẽ do anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị N không phải cấp dưỡng do anh L không có yêu cầu, về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về tố tụng:**

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh L đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

### **2. Về nội dung:**

2.1 Về hôn nhân: Chị Phan Thị Mộng N và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 04/11/2008. Vì vậy, hôn nhân của chị N và anh L được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm nên mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng con chung, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì cháu C và cháu L1 đều có nguyện vọng sống

chung với cha và cũng phù hợp với yêu cầu của anh L. Do đó, tiếp tục giao 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Các bên trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Mộng N đối với anh Phạm Văn L.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Phan Thị Mộng N được ly hôn với anh Phạm Văn L. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị N, anh L không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc C, sinh ngày 29/12/2008 và Phạm Thành L1, sinh ngày 25/11/2016. Sau khi ly hôn, 02 con chung sẽ do anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị N, anh L có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung: Các bên trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4 Về nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có nên không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Phan Thị Mộng N có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0003531 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú là đủ.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Quy, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Trí**